

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1118** /2020/HC-PT

Ngày: 22 / 12/ 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán:

1. Bà Mai Thị Thanh Tú

2. Bà Phạm Thị Thu Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 và 22 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2020/TLPT – HC ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 05/ 5/2020 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5950/2020/QĐPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23079/2020/QĐPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1955

Địa chỉ: 404 Đường T, phường M, Quận C.

Đại diện ủy quyền: Ông Vương Chánh H

(giấy ủy quyền số 17962 quyền số 4/Thành phố Hồ Chí Minh/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2016 tại Văn phòng công chứng Quận C)

Địa chỉ: B156/9 đường H, phường G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện: - Ủy ban nhân dân Quận C

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường Hiệp Phú, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C - Phó chủ tịch UBND Quận C (Văn bản ủy quyền số 4412/UBND ngày 11/ 12/ 2020)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C - Phó chủ tịch UBND Quận C (Văn bản ủy quyền số 4411/UBND ngày 11/12/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Huỳnh Văn T- Phó trưởng Ban BTGPMB Quận C

- Ông Trần Văn C – Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận C, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận C

- Ông Nguyễn Gia H- Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ, Quận C

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Nguyễn Quốc T (yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn ngày 10/12/2020) và bà Phạm Thị Thanh B. (Văn bản ủy quyền số 78/UBND ngày 20/9/2019)

- Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1957

- Chị Nguyễn Thị Trúc M , sinh năm 1983

- Anh Nguyễn Nhật T , sinh năm 1989

- Anh Nguyễn N.T , sinh năm 1991

- Bà Trần Ngọc H – Chủ DNTN T

Cùng địa chỉ: 404 Đường T, phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng ủy quyền cho ông Vương Chánh H

(giấy ủy quyền số 17963 và 17980 quyền số 4/Tp/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2016 tại Văn phòng công chứng Quận 9, giấy ủy quyền số 17503 quyền số 12/2016/HĐGD-CCBN ngày 01/12/2016 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé)

Địa chỉ: B156/9 đường H, phường G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị C

Địa chỉ: 250 đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Hồ Thị H

Địa chỉ: 29 hẻm 245, đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Văn A

Địa chỉ: 53 đường 4, khu phố G, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Minh D

Đại chỉ: 126B đường 4, khu phố G, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2011)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

+ Bà Lê Thị C (chết tháng 3/2019)
+ Bà Võ Ngọc B, sinh năm 1978
+ Trẻ Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2008 (có bà Võ Ngọc B đại diện theo pháp luật)

Cùng địa chỉ: 53 đường 4, khu phố G, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường D1 khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T

(Văn bản ủy quyền số 27/GUQ-SHTPCo ngày 16/01/2019)

- Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: 676 đường N, KP L, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Đặng Thị P, sinh năm 1965

Địa chỉ: 141/10A Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Phạm Xuân V, sinh năm 1958

Địa chỉ: 144 đường 400, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1956

Địa chỉ: Chung cư 5 tầng – Lô 1C căn hộ số 21 ấp An Hòa, xã Hóa An, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Bà C, Hột, B, ông A, D, bà P, ông V, S vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai)

NHẬN THẤY:

Theo các đơn khởi kiện ngày 12/02/2012, ngày 24/11/2014, ngày 05/4/2016, ngày 20/4/2016, ngày 17/12/2018 và ngày 20/12/2018, cùng biên bản làm việc ngày 19/5/2016, **người khởi kiện là bà Trần Ngọc H** (có đại diện) yêu cầu:

-Hủy Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của Ủy ban nhân dân (UBND) Quận C về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Trần Ngọc H trong Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu Công nghệ cao tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận C (Dự án); Buộc UBND Quận C bồi thường cho hộ bà H 01 lò gạch 4 bầu lửa với giá 130.000.000 đồng, 01 lò gạch 5 bầu lửa với giá 150.000.000 đồng, 1.657,17m² sân bê tông giá 250.000 đồng/m² (414.292.500 đồng), trạm điện 150KVA và 250 KVA theo giá thẩm định năm 2015 của cơ quan chức năng,

02 cối ép gạch giá 150.000.000 đồng, bồi thường giá trị nhà xưởng

2.373,54m² và 2.637m² theo giá 1.550.000 đồng/m², 1.617,57m² sân bê tông giá 150.000 đồng/m², 417m² tường rào xây gạch giá 290.000đồng/m², 177m² mương xây gạch giá 350.000 đồng/m², bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 6.305m².

- Hủy Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND Quận C về việc cưỡng chế thu hồi 6.305m² thuộc một phần thửa 174 tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do cho yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là:

- Quyết định 839/2010/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND Quận C ban hành là không đúng thẩm quyền. Bồi thường cho hộ Trần Ngọc H là không đúng đối tượng mà phải bồi thường cho cơ sở Doanh nghiệp tư nhân T. Không có quyết định thu hồi đất. Không căn cứ vào biên bản kiểm kê. Không có hồ trợ di dời, ngưng sản xuất...

- Nguồn gốc đất bị thu hồi: Vào năm 1980, gia đình bà H nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị C – người khai phá hợp pháp từ năm 1976 theo diện giãn dân của Thành ủy. Gia đình bà sử dụng làm nhà ở và xây dựng cơ sở sản xuất liên tục trên 30 năm trước khi có quy hoạch, không ai tranh chấp. UBND Quận C cho rằng 6.305m² đất là đất thuê và chiếm dụng không bồi thường quyền sử dụng 6.305m² đất là không đúng.

+ Về giá bồi thường: UBND Quận C áp dụng Phương án bồi thường số 12 được phê duyệt theo Quyết định 599 ngày 09/12/2005 của Chủ tịch UBND Quận C là không đúng vì Chủ tịch UBND Quận C không có thẩm quyền phê duyệt và Phương án bồi thường này không còn giá trị pháp lý. Áp dụng Quyết định 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2003 để bồi thường lò gạch là không đúng. Giá bồi thường các hạng mục chưa đúng, còn nhiều tài sản chưa bồi thường. Phải áp dụng Quyết định 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 và Quyết định 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường tài sản cho bà H mới đúng quy định pháp luật.

- Quyết định cưỡng chế 115 ban hành không đúng thẩm quyền, sai đối tượng vì đất của ông O, do ông O ký hợp đồng thuê, mua bán, khai phá đóng thuế chứ không phải bà Trần Ngọc H.

Đại diện ủy quyền người bị kiện nêu những căn cứ ban hành Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 22/4/2010, Quyết định số 98/QĐ-UBND-TT ngày 29/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C và Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận C như sau:

Ngày 29/10/2003, UBND Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) ban hành

Quyết định 4652/QĐ-UB về việc thu hồi và tạm giao 3,0524 ha đất tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận C (Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên bản đồ hiện trạng – vị trí do Trung tâm Địa chính đô thị phía Nam lập ngày 02/10/2003) cho Ban quản lý khu Công nghệ cao Tp.HCM để đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu Công nghệ cao.

Đối chiếu bản đồ hiện trạng – vị trí do Trung tâm Địa chính đô thị phía Nam lập ngày 02/10/2003 thì phần đất diện tích 6.305m² thuộc một phần thửa 174 tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận C của hộ bà H nằm trong quy hoạch dự án trên.

Ngày 05/01/2004, Tổ công tác tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản, hoa màu gắn liền với đất đối với hộ bà Trần Ngọc H với diện tích 6.397,6m².

Ngày 05/12/2008, Văn phòng UBND Quận C ban hành Thông báo số 272/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch UBND Quận C tại cuộc họp giải quyết vướng mắc các dự án trên địa bàn đã thống nhất nhập diện tích 800m² của các hộ Nguyễn Văn Đa, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thanh O (Nguyễn Văn O) vào hồ sơ bà Trần Ngọc H. Nâng tổng diện tích của hộ bà H là 7.197,6m².

Ngày 01/10/2009, Ban bồi thường có Biên bản xác minh ghi nhận: Diện tích đất thuê là 6.839m² (trong dự án 5.971,7m², ngoài dự án 867,2m²); Diện tích ngoài hợp đồng thuê 358,6m² (trong dự án 333,2m², ngoài dự án 25,4m²). Như vậy tổng diện tích đất của hộ bà H nằm trong Dự án là 6.305m².

Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, phần đất 6.305m² thuộc một phần thửa 174 tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận C là đất công được Công ty quản lý phát triển nhà huyện Thủ Đức ký Hợp đồng cho thuê ngày 19/9/1991 với diện tích 6.839m². Đến ngày 17/7/1993, UBND xã Ltiếp tục ký hợp đồng cho ông Nguyễn Thanh O (cH bà H) thuê sử dụng cho đến ngày kiểm kê.

Căn cứ vào Phương án bồi thường, hỗ trợ số 12/PABT-HĐBT ngày 17/11/2005 đã được Chủ tịch UBND Quận C phê duyệt theo Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 09/12/2005. Ngày 22/4/2010, Ủy ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định 839/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà H trên phần đất diện tích 7.172,2m².

Ngày 15/11/2010, Thanh tra Quận C có văn bản 427/TT yêu cầu kiểm kê tách riêng phần đất ngoài Dự án. Ngày 01/12/2010, UBND phường Lphối hợp cùng Ban bồi thường lập lại Biên bản kiểm kê phần đất trong dự án 6.305m². Đây là biên bản kiểm kê chính thức.

Ngày 16/3/2011, UBND Quận C ban hành Quyết định số 1044/QĐ-UBND-

BBT về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/4/2010 với lý do thu hồi giá trị bồi thường 867,2m² đất không nằm trong dự án với số tiền 43.360.000 đồng.

Ngày 29/9/2011, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định 98/QĐ-UBND- TT về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Trần Ngọc H đối với QĐ 839, với nội dung bồi thường bổ sung cho hộ bà H số tiền 152.861.896 đồng vào phần đã tính 1.617,57 m² sân bê tông đá 1cmx2cm và 276,64m² nhà ở kết cấu nền bê tông, tường gạch, cột gạch, mái tôn, không có trần.

Ngày 05/10/2012, UBND Quận C ban hành Quyết định 1337/ QĐ-UBND-BBT về việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng cho hộ bà H từ ngày 9/12/2005 đến ngày 22/4/2010 với tổng số tiền 923.984.000 đồng.

Ngày 16/9/2015, UBND Quận C ban hành Quyết định 838/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà H 28,86m² đất với số tiền 3.030.300 đồng.

Ngày 25/7/2016, UBND Quận C ban hành Quyết định 837/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung giá trị bồi thường trạm điện của bà H với số tiền 317.245.000 đồng.

Căn cứ với Phương án bồi thường số 12/PABT-HĐBT ngày 17/11/2005, Công văn 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008, Ủy ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 22/4/2010, Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C về việc giải quyết khiếu nại của bà H đối với Quyết định 839, Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 05/10/2012, Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 16/9/2015, Quyết định 837/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 để tính giá bồi thường và công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà H là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2011, UBND phường L có buổi tiếp xúc với hộ bà H vận động bàn giao mặt bằng.

Ngày 12/01/2012, UBND Quận C ban hành Thông báo 07/TB-UBND-BBT về việc yêu cầu hộ bà H tiến hành giải phóng mặt bằng bàn giao cho Công ty TNHH MTV phát triển Khu Công nghệ cao để triển khai thực hiện dự án.

Ngày 17/6/2014, UBND Quận C ban hành Quyết định 115/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà H. Ngày 04/8/2014, UBND Quận C ban hành Quyết định 447/QĐ-UBND về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 115 lý do có sự thay đổi về địa chỉ của bà H.

Ngày 11/11/2014, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định 224/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H đối với Quyết định 115, với nội dung giữ nguyên Quyết định 115/QĐ-UBND.

Ngày 19/11/2014, Ban vận động có buổi tiếp xúc vận động hộ bà H bàn giao mặt bằng nhưng ông O không đồng ý. Ngày 16/01/2015, Chủ tịch UBND Quận có buổi tiếp xúc vận động nhưng hộ bà H không đồng ý ký bàn giao mặt bằng. Ngày 19/01/2015, UBND phường Ltiếp tục tiếp xúc vận động nhưng hộ bà H vẫn không đồng ý ký bàn giao mặt bằng. Ngày 27/5/2015, UBND Quận C tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

Do đó việc UBND Quận C ban hành Quyết định 115/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi phần đất diện tích 6.305 m² tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận C đối với bà H là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn O, chị Nguyễn Thị Trúc M, anh Nguyễn Nhật T, anh Nguyễn N.T, bà Trần Ngọc H – chủ DNTN T do ông Vương Chánh H làm đại diện theo ủy quyền thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà Trần Ngọc H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Minh D, bà Lê Thị C, bà Võ Ngọc B trình bày: Năm 1980, ông Nguyễn Thanh O mua đất của bà Nguyễn Thị C và cất nhà cho các ông bà ở đến nay, không có tranh chấp. Các ông bà có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C và bà Hồ Thị H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Ngọc H. Bà C và bà H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện này với lý do già yếu.

Đại diện Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Căn cứ công văn 1128/CV.UB của UBND huyện T ngày 28/12/1992 về việc giao cho UBND xã L quản lý và ký hợp đồng cho thuê mặt bằng đất công. UBND xã được Công ty phát triển nhà của huyện T bàn giao quản lý 15 cơ sở sản xuất gạch ngói và 04 cơ sở doanh nghiệp Nhà nước.

Năm 1993, UBND xã đã thực hiện ký hợp đồng cho 07 cơ sở thuê đất công để sản xuất vật liệu xây dựng. Ngày 17/7/1993, UBND xã ký hợp đồng cho ông Nguyễn Thanh O thuê mặt bằng để phục vụ sản xuất kinh doanh, diện tích cho thuê 6.839m² với giá 500đồng/m²/tháng. Ông O nộp ứng lệ phí mặt bằng năm 1993 số tiền 1.000.000 đồng tại phiếu thu số 47 ngày 17/7/1993.

Ngày 23/5/1994, ông O nộp tiền lệ phí mặt bằng lò gạch lần 2 của năm 1993 là 4.000.000 đồng tại phiếu thu số 30 ngày 23/5/1994 và chuyển tên cho vợ là bà Trần Thị H đứng tên lò gạch.

Ngày 04/6/1994, ông O nộp tiếp tiền lệ phí mặt bằng năm 1993 là 5.500.000 đồng tại phiếu thu số 40 do bà Trần Thị H đứng tên.

Ngày 15/7/1995, ông O nộp tiền thanh toán hợp đồng thuê mặt bằng là

5.700.000 đồng tại phiếu thu số 50 do bà Trần Thị H đứng tên.

Như vậy theo các hồ sơ lưu trữ tại UBND phường L thì phần đất ông O thuê là đất công. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, ông O tự khai và chuyển cho vợ là bà Trần Thị H (nay đổi tên là Trần Ngọc H) đứng tên, nhưng người giao dịch nộp tiền vẫn là ông O.

Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển khu công nghệ cao TP.HCM trình bày: Quyết định 4652/QĐ-UBND ngày 29/10/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và tạm giao đất cho Ban quản lý khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu Công nghệ cao tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9. Ngày 04/6/2004, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 97/QĐ-KCNC giao cho Công ty TNHH MTV phát triển khu công nghệ cao Tp.HCM làm chủ đầu tư dự án với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố. Hiện dự án đã thi công hoàn thành 90% khối lượng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S trình bày: Ngày 21/10/1992, ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C phần đất tọa lại tại ấp Giã Dân, xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức nay là khu phố Giã Dân, phường Long Thạnh Mỹ, Quận C để làm lò gạch. Khi mua đất, hai bên không đo đất nhưng trên đất có trồng cây bạch đàn to, có ranh giới với đất ông O là tường gạch do ông O đã xây trước đó. Khi UBND Quận C thu hồi đất và bồi thường thì có kiểm kê tài sản và đất của ông hoàn toàn nằm ngoài tường gạch của ông O. Ông đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Ông S có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị T trình bày: Năm 1998, bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C một mảnh đất để làm nhà ở, đất tọa lại tại ấp Giã Dân, xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức nay là khu phố Giã Dân, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9. Khi mua đất, hai bên không đo đất nhưng có chỉ ranh với đất bà Quý là hàng cây bạch đàn và cách với đất ông O là tường gạch do ông O đã xây trước đó. Khi UBND Quận C thu hồi đất và bồi thường thì có kiểm kê tài sản và đất của bà hoàn toàn nằm ngoài tường gạch của ông O. Bà đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Bà T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P trình bày: Năm 1992, bà và ông Nguyễn Văn S có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C một mảnh đất để làm lò gạch (không nhớ diện tích bao nhiêu), phần đất tọa lại tại ấp Giã Dân, xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức nay là khu phố Giã

Dân, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9. Khi mua đất, hai bên không đo đất nhưng trên đất có trồng cây bạch đàn to, có ranh giới với đất ông O là tường gạch do ông O đã xây trước đó. Khi UBND Quận C thu hồi đất và bồi thường thì có kiểm kê tài sản và đất của bà hoàn toàn nằm ngoài tường gạch của ông O. Bà đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân V trình bày: Ông có thuê phần đất diện tích 1.886,60m² thuộc một phần thửa 174 tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận C từ năm 1997 và sử dụng đến khi bị thu hồi theo dự án Khu nhà ở lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu công nghệ cao. Khi cho ông thuê đất, UBND phường có lập họa đồ hiện trạng vị trí thể hiện vị trí, diện tích phần đất cho ông thuê. Phần đất này cách đất ông O bởi bức tường rào do ông O xây trước năm 1997. Phần đất của ông có một phần diện tích 22,6m² thuộc một phần thửa 174⁻¹ được ký hiệu là 29 trên Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/6/2015. Phần đất này ghi là sân phơi nhưng thực chất là nhà ông Nguyễn Văn Mới xây trên đất ông cho ở nhờ. Ông đã nhận tiền bồi thường nhà này và giao số tiền bồi thường này cho ông Mới. Ông không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên ông V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận C đã xử:

Bác khởi kiện của bà Trần Ngọc H yêu cầu hủy Quyết định 839/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Trần Ngọc H trong Dự án đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu Công nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân Quận C về cưỡng chế thu hồi đất.

Đình chỉ xét xử khởi kiện của bà Trần Ngọc H yêu cầu hủy Quyết định 98/QĐ-UBND-TT ngày 29/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/5/2020 bà Trần Ngọc H, ông Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Nhật T, Nguyễn N.T cùng kháng cáo yêu cầu hủy quyết định 839/2010/QĐ-UBND và quyết định 115/2014/QĐ-UBND; hoàn trả 7.929,7m² thuộc một phần thửa 174, tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm 6.305m² đất trong quyết định cưỡng chế và 1.624,7m² đất ngoài quyết định cưỡng chế); Buộc UBND bồi thường tài sản trên đất đã bị đập phá cho hộ bà Trần Ngọc H, theo đơn giá tại quyết định

12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 và quyết định 64/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo - bà Trần Ngọc H, ông Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Nhật T, Nguyễn N.T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Thẩm quyền ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư không đúng luật. Thẩm quyền ban hành phương án không đúng theo khoản 5 Điều 33 Nghị định 22/1998/CP của Chính phủ. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất nhưng không có quyết định thu hồi đất riêng lẻ cho từng hộ cá nhân. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất sẽ giao cho công ty TNHH MTV phát triển khu công nghệ cao, khác với quyết định thu hồi đất giao cho Ban quản lý khu công nghệ cao. Thanh tra Chính phủ kết luận các quyết định của UBND Quận C là sai.

- Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ, Quận C có đại diện trình bày: diện tích đất bị thu hồi 6.305m² theo kết quả hợp xét nguồn gốc đất chỉ có 333,2m² đất chiếm dụng từ trước 15/10/1993; còn lại là đất thuê của Ủy ban theo hợp đồng thuê ngắn hạn; hết hạn hợp đồng thuê thì gia đình bà H vẫn sử dụng đất.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển khu công nghệ cao TP.HCM yêu cầu y án sơ thẩm. Dự án chưa thực hiện xây nhà ở cho công nhân viên lưu trú

- Bà Huỳnh Thị T không có ý kiến trong vụ án.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND Quận C và chủ Tịch UBND Quận C yêu cầu giữ nguyên các quyết định mà UBND và Chủ Tịch UBND Quận C đã ban hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng Hành chính. Về nội dung: nguồn gốc đất do bà H thuê của công ty phát triển nhà Quận C và UBND phường 6.839m². Phần đất bị thu hồi 6.305m², bà H không chứng minh được tài sản trên đất bị cưỡng chế. Việc bồi thường tài sản trên đất phù hợp phương án. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất trên cơ sở có quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường là phù hợp pháp luật. Kiến nghị UBND trong việc soạn thảo quyết định bồi thường đúng thẩm quyền là UBND nhưng ghi là Chủ tịch. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà Trần Ngọc H, ông Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Trúc M , Nguyễn Nhật T , Nguyễn N.T , làm trong hạn luật định, hợp lệ, nên chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo yêu cầu hủy quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND Quận C về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 29/10/2003, UBND Tp.HCM ban hành Quyết định 4652/QĐ-UB về việc thu hồi và tạm giao 3,0524 ha đất tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận C .Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên bản đồ hiện trạng – vị trí do Trung tâm Địa chính đô thị phía Nam lập ngày 02/10/2003; giao cho Ban quản lý khu Công nghệ cao Tp.HCM để đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân làm việc trong Khu Công nghệ cao.

Xét Bản đồ hiện trạng – vị trí do Trung tâm Địa chính đô thị phía Nam lập ngày 02/10/2003, trong đó có thể hiện chỉ một phần thửa 174 tờ bản đồ số 2 phường Long Thạnh Mỹ, Quận C (không bao trọn thửa), diện tích 9.429m², thuộc ranh quy hoạch thu hồi đất cho dự án.

Ngày 05/01/2004, Tổ công tác tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản đối với hộ bà Trần Ngọc H, ghi nhận diện tích phải thu hồi đất 6.397,6m² (BL 342);

Ngày 05/12/2008, Văn phòng UBND Quận C ban hành Thông báo số 272/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch UBND Quận C tại cuộc họp giải quyết vướng mắc các dự án trên địa bàn đã thống nhất nhập diện tích 800m² của các hộ Nguyễn Văn Đa, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thanh (Văn) O vào hồ sơ bà Trần Ngọc H, nâng tổng diện tích của hộ bà H là 7.197,6m²;

Ngày 01/10/2009, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng có Biên bản xác minh, ghi nhận: Diện tích đất thuê là 6.839m² (trong dự án 5.971,7m², ngoài dự án 867,2m²); Diện tích đất chiếm dụng, ngoài hợp đồng thuê 358,6m² (trong ranh dự án 333,2m², ngoài dự án 25,4m²). Như vậy tổng diện tích đất của hộ bà H nằm trong dự án là 6.305m² trong tổng số diện tích đất hộ bà H đang sử dụng là 7.197,6m² (BL 555)

Tại biên bản họp xét nguồn gốc đất ngày 29/12/2010 (BL 565): khu đất diện tích 7.197,6m² thuộc một phần thửa 174, tờ bản đồ số 2, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, trong đó diện tích đất ngoài dự án: 892,6m², diện tích đất trong dự án 6.305m²; bao gồm:

+ 5.971,8m² đất do bà Nguyễn Thị C khai phá năm 1976; đến năm 1980 để lại cho ông Nguyễn Thanh O sử dụng, đồng thời ông O có bồi thường hoa màu cho bà C để được sử dụng đất. Ông O để cho Vợ là bà Trần Ngọc H đứng tên

giao dịch và sử dụng đất đến ngày kiểm kê. Xét trong quá trình sử dụng đất, ông O có ký hợp đồng với Công ty quản lý phát triển nhà huyện Thủ Đức ký, Hợp đồng cho thuê ngày 19/9/1991, hạn thuê 07 tháng, với diện tích 6.839m²; Đến ngày 17/7/1993, ký hợp đồng thuê với UBND xã Long Thạnh Mỹ, hạn thuê 01 năm, với diện tích 6.839m². +333,2m² đất do ông O tự khai phá sử dụng từ năm 1980 đến nay.

Xét sau khi hết hạn hợp đồng thuê, thì gia đình bà H vẫn sử dụng đất thuê (từ trước ngày 15/10/1993) đến ngày bị kiểm kê thu hồi đất.

Căn cứ phương án số 12/PABT-HĐBT ngày 17/11/2005, phần III mục I khoản 6 và khoản 9 các điều kiện được bồi thường thiệt hại về đất:

6. Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất không có một trong các loại giấy tờ qui định tại khoản 1,2,3 mục I phần III nhưng đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993, nay được UBND xã xác nhận đất đó không tranh chấp.

9. hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý, mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng.

Do đó phần diện tích đất thuê và đất chiếm dụng của hộ bà H, đủ điều kiện được bồi thường về đất.

Căn cứ Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Điều 32-Cưỡng chế thu hồi đất

1. Việc cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Nghị định này;

Điều 29 - Cho phép khảo sát lập dự án đầu tư

3.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư phổ biến kế hoạch khảo sát, đo đạc cho người sử dụng đất trong khu vực dự án và yêu cầu người sử dụng đất tạo điều kiện để chủ đầu tư thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất để lập dự án đầu tư.

Xét phía UBND Quận C xác định diện tích đất của hộ bà Trần Ngọc H bị cưỡng chế thu hồi 6.305m² trong tổng số diện tích đất hộ bà H sử dụng 7.197,6m², nhưng không kèm Bản vẽ thể hiện ranh dự án; So sánh đối chiếu với quyết định thu hồi đất tổng thể số 4652/2003/QĐ-UB của UBND TpHCM, kèm

bản vẽ, cũng chỉ thể hiện diện tích đất bị thu hồi thuộc một phần của thửa 174, tờ bản đồ số 2, phường L, Quận C (không bao trọn thửa). Do đó không có cơ sở xác định vị trí, diện tích thu hồi đất của hộ bà Trần Ngọc H, trong hay ngoài ranh dự án.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm, tiếp cận hiện trạng và đo vẽ ngày 24/9/2019, đại diện ban ngành Phòng Tài nguyên và môi trường, quản lý đô thị, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đều *không xác định được ranh đất cưỡng chế thu hồi, để bàn giao cho chủ đầu tư dự án* (BL 821).

Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 (được sửa đổi bởi quyết định 447/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 về địa chỉ của người có đất bị thu hồi), căn cứ quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, *để cưỡng chế giải phóng mặt bằng 6.305m² thuộc phần thửa 174, tờ bản đồ số 2 (tài liệu chỉ thị 02/CT-UB) tọa lạc tại phường L, Quận C*, là chưa đúng.

Qua xem xét tại chỗ ngày 08/01/2019 và ngày 24/9/2019 của Tòa cấp sơ thẩm và trình bày tại phiên Tòa của đại diện công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh rằng khu đất bị cưỡng chế thu hồi, chưa thực hiện dự án bố trí xây nhà ở lưu trú cho công nhân khu công nghệ cao.

Căn cứ sổ hộ khẩu, các thành viên trong hộ của bà H, gồm Trần Ngọc H, Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Nhật T, Nguyễn N.T.

Chấp nhận kháng cáo – hủy quyết định 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND Quận 9. Áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, mục III khoản 2 Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao: hủy các quyết định có liên quan đến quyết định 115/2014/QĐ-UBND, gồm quyết định 447/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 về điều chỉnh địa chỉ của bà H trong quyết định 115/2014/QĐ-UBND, quyết định 224/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 về giải quyết khiếu nại cưỡng chế thu hồi đất; đồng thời buộc UBND Quận C và chủ Tịch UBND khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp cho hộ bà Trần Ngọc H (bao gồm bà Trần Ngọc H, Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Nhật T, Nguyễn N.T). Dành quyền khởi kiện cho hộ bà H trong trường hợp có tranh chấp, theo quy định pháp luật

[3]. Xét kháng cáo yêu cầu hủy quyết định số 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/ 4/2010 của UBND Quận C về bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất:

Như phân tích ở mục [2]. Hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 115/2014/QĐ-UBND, xác định lại vị trí đất bị thu hồi trong ranh dự án hay ngoài dự án, thì các quyết định về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Ngọc H đối với đất, không còn giá trị và quyết định bồi thường hỗ trợ về tài sản trên đất. Do

đó hủy bỏ các quyết định này và quyết định có liên quan (Áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, mục III khoản 2 Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao), bao gồm: quyết định 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/4/2010, Quyết định số 1044/QĐ-UBND-BBT ngày 16/3/2011 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/4/2010, quyết định 98/QĐ-UBND- TT ngày 29/9/2011 giải quyết khiếu nại của hộ bà Trần Ngọc H, quyết định 1337/ QĐ-UBND-BBT ngày 05/10/2012 về việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng cho hộ bà H, quyết định 838/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà H 28,86m² đất, quyết định 837/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 về việc công bố bổ sung giá trị bồi thường trạm điện của bà H.

Đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ và hỗ trợ lãi suất, UBND Quận C đã chi trả cho hộ bà H, thì UBND Quận C thu hồi lại.

Đồng thời buộc UBND Quận C và chủ Tịch UBND khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp cho hộ bà Trần Ngọc H. Dành quyền khởi kiện cho hộ bà H trong trường hợp có tranh chấp, theo quy định pháp luật.

Sửa án sơ thẩm.

[4]. Án phí Hành chính phúc thẩm: người kháng cáo không phải nộp. Án phí hành chính sơ thẩm UBND Quận C phải nộp 200.000 đồng, Chủ Tịch UBND Quận C phải nộp 200.000 đồng (do vụ án thụ lý theo thủ tục sơ thẩm ngày 27/3/2012)

Vr cac le{neh} treh,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 39, khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003;

- Áp dụng Điều 29, 32 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Áp dụng khoản 2 Điều 34, Điều 47, 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Ngọc H, ông Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Trúc M , Nguyễn Nhật T , Nguyễn N.T , sửa bản án sơ thẩm:

1. Hủy các quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 17/6/2014, quyết định 447/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 về điều chỉnh địa chỉ của bà H trong quyết định

115/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận C và quyết định 224/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 về giải quyết khiếu nại cưỡng chế thu hồi đất của Chủ Tịch Ủy ban nhân dân Quận 9;

Hủy các quyết định số 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/4/2010, Quyết định số 1044/QĐ-UBND-BBT ngày 16/3/2011 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 839/QĐ-UBND-BBT ngày 22/4/2010, quyết định 1337/QĐ-UBND-BBT ngày 05/10/2012 về việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng, quyết định 838/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ 28,86m² đất, quyết định 837/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 về việc công bố bổ sung giá trị bồi thường trạm điện của Ủy ban nhân dân Quận C đối với hộ bà Trần Ngọc H và quyết định số 98/QĐ-UBND- TT ngày 29/9/2011 giải quyết khiếu nại của Chủ Tịch Ủy ban nhân dân Quận C đối với bà Trần Ngọc H;

Buộc Ủy ban nhân dân Quận C và chủ Tịch Ủy ban nhân dân Quận C khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp cho hộ bà Trần Ngọc H (bao gồm bà Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị Trúc M , ông Nguyễn Nhật T , Nguyễn N.T). Dành quyền khởi kiện cho bà H, Mai, ông Tâm, Tiên trong trường hợp có tranh chấp, theo quy định pháp luật

2. Án phí hành chính:

Ủy ban nhân dân Quận C phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng, Chủ Tịch Ủy ban nhân dân Quận C phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Trần Ngọc H theo phiếu thu số AE/2010/03619 ngày 26/3/2012 và số AA/2012/05932 ngày 11/12/2014 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Ngọc H theo phiếu thu số AA/2019/0013592; trả cho ông Nguyễn Văn O theo phiếu thu số AA/2019/0013593; trả cho bà Nguyễn Thị Trúc M theo phiếu thu số AA/2019/0013594; trả cho ông Nguyễn Nhật T theo phiếu thu số AA/2019/0013595; trả cho ông Nguyễn N.T theo phiếu thu số AA/2019/0013596 cùng ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 9;
- TAND Quận C ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu